

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 162/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng
Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô:

Phạm vi quy hoạch Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đến năm 2030 thuộc xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên. Tổng diện tích tự nhiên giai đoạn I là 460 ha, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông: Giáp kênh N1 (cách ranh giới xã Hòa Quang Nam 750 m đến thôn Ngọc Sơn Tây).

- Phía Tây: Giáp triền núi.

- Phía Nam: Giáp kênh dẫn nước vào trạm bơm Tây Hòa Quang (cách đường ranh giới xã Hòa Quang Nam 750 m).

- Phía Bắc: Giáp núi cao (ranh giới quy hoạch xây hồ chứa nước Lỗ Chài).

2. Tính chất, chức năng:

- Là khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phục vụ phát triển sản xuất cho tỉnh Phú Yên và vùng Duyên hải Nam Trung bộ, tập trung vào lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, bảo quản chế biến nông sản, sản xuất chế phẩm sinh học và thức ăn chăn nuôi.

- Là khu vực thực hiện các hoạt động: nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình và chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao ngành nông nghiệp.

3. Quy mô dân số:

Dân số của Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên khoảng 4.300 người - 5.500 người.

4. Định hướng phát triển không gian:

a) Bố cục không gian:

Các khu chức năng được bố trí, tổ chức như sau:

- Khu trung tâm, quản lý, dịch vụ công nghệ cao, quy mô 10,78 ha, bố trí phía Tây - Nam đường trục chính, phía Bắc kênh N1, có chức năng quản lý và các dịch vụ công nghệ cao.

- Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô 56,49 ha, được phân thành các Tiểu khu:

+ Khu nhà làm việc, phòng thí nghiệm, diện tích 03 ha, bố trí tiếp giáp phía Tây Khu trung tâm, quản lý, dịch vụ công nghệ cao.

+ Khu nhà lưới, nhà kính, diện tích 8,15 ha, bố trí phía Tây đường D2 và phía Nam đường N2.

+ Khu thí nghiệm, thực nghiệm ngoài trời, diện tích 24,83 ha, bố trí phía Tây đường D2 và phía Nam đường N4.

+ Khu đầu tư của các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, diện tích 20,51 ha, bố trí phía Đông - Bắc đường trục chính và hai bên đường N3.

- Khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, diện tích 1,85 ha, bố trí tiếp giáp Khu trung tâm, quản lý, dịch vụ công nghệ cao.

- Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, diện tích 306,60 ha, chia thành các Tiểu khu sau:

+ Tiểu khu sản xuất vi sinh, diện tích 20,27 ha, bố trí giới hạn trong các đường N4; D2; N5 và sát chân núi.

+ Tiểu khu sản xuất giống cây lâm nghiệp, diện tích 10,88 ha, bố trí phía Đông đường D2; Nam đường N4 và Bắc đường N2.

+ Tiểu khu chăn nuôi, diện tích 37,93 ha, bố trí riêng biệt phía Tây - Nam suối Lỗ Chài 1 và suối Mốc.

+ Tiểu khu trồng cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái, diện tích 32,71 ha, bố trí phần hạ lưu hồ Lỗ Chài 1.

+ Tiểu khu kho bãi và chế biến, diện tích 25,08 ha, bố trí giới hạn trong các tuyến đường trục chính; N6 và D2.

+ Tiểu khu sản xuất cây trồng, diện tích 179,73 ha, bố trí trên phần đất còn lại của Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối, diện tích 50,78 ha, gồm:

+ Hồ chứa Lỗ Chài 1: 7,64 ha.

+ Khu xử lý nước thải, diện tích 3,14 ha, bố trí sát khu chế biến, phía Bắc đường N7.

+ Đất giao thông 35,00 ha.

+ Đất kênh mương thoát nước 5,00 ha.

- Khu lâm viên và dịch vụ dân sinh, diện tích 6,51 ha, bố trí phía Đông - Bắc suối Lỗ Chài, phía Nam đường N8.

- Các khu dân cư nông thôn, diện tích 7,80 ha, chính trang 2 khu hiện hữu phía Tây - Bắc kênh N1.

Căn cứ hiệu quả đầu tư giai đoạn I sẽ xem xét mở rộng thêm diện tích của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên trên phần đất sản xuất nông nghiệp phía Nam và phía Đông - Bắc của Khu.

b) Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

- Trục không gian chính: Trục đường chính dọc Nam - Bắc với lộ giới 30 m, có dải phân cách trồng cây ở giữa xuyên suốt các khu chức năng và kết thúc là một lâm viên mở thoáng, tạo thành trục không gian chính và hành lang kỹ thuật chính của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tổ chức không gian:

+ Các khu chức năng quản lý, dịch vụ, nghiên cứu, thực nghiệm, trình diễn, chuyên giao, đào tạo được bố trí hai bên đường trục chính, khu vực công giao tiếp chính.

+ Khu vực chăn nuôi bố trí biệt lập, giới hạn bởi các suối tự nhiên.

+ Khu xử lý nước thải bố trí ngay sát khu chế biến và chăn nuôi.

+ Khu trồng cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái bố trí phía dưới hồ Lỗ Chài 1 có cảnh quan đẹp.

+ Khu sản xuất vi sinh bố trí sát chân núi, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường.

- Các điểm nhấn không gian kiến trúc: Khu Trung tâm quản lý, dịch vụ công nghệ cao, khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm, bố trí ở phía Tây Nam tuyến đường trục chính tại công giao tiếp chính của Khu. Ở khu vực này hình thành một hồ nhân tạo, với hệ thống cây xanh, thảm thực vật rộng nhằm tạo nên không gian cây xanh, mặt nước rộng thoáng hỗ trợ cho các công trình kiến trúc cao từ 2 đến 3 tầng, hiện đại. Đây là điểm tập trung giao lưu, dịch vụ trung tâm của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Công giao tiếp với bên ngoài: Công chính ở đầu đường trục chính tại cầu Dúi Thê, kết nối với đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn dọc kênh N1 và đường ĐH22 nối với QL 25.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

a) Phân khu chức năng: Các khu chức năng chính gồm: Khu trung tâm, quản lý, dịch vụ công nghệ cao; Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khu công trình kỹ thuật đầu mối; Khu lâm viên và dịch vụ dân sinh; Khu dân cư nông thôn.

b) Cơ cấu sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất cho các khu chức năng đến năm 2030

TT	Đối tượng sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất khu trung tâm, quản lý, dịch vụ công nghệ cao.	10,78	4,74	10,78	2,34
2	Đất khu nghiên cứu thực nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	36,09	15,87	56,49	12,28
3	Đất khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	1,85	0,81	1,85	0,40

TT	Đối tượng sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4	Đất khu đầu tư sản xuất.	140,47	61,75	306,60	66,65
5	Đất khu lâm viên và dịch vụ dân sinh.			6,51	1,42
6	Đất khu dân cư nông thôn.	2,50	1,10	7,80	1,70
7	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối.	28,78	12,65	50,78	11,04
8	Đất dải cây xanh phòng hộ ven suối.			10,00	2,17
9	Đất khác (sông suối).	7,00	3,08	9,19	2,00
	Tổng cộng	227,47	100,00	460,00	100,00

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Hệ thống giao thông:

- Đường trục chính: Dài 1.805 m, lộ giới 30 m, mặt đường 18 m, đường chính đô thị, tiêu chuẩn để thiết kế: Xe tiêu chuẩn tải trọng H10, mặt đường cấp cao A1, mặt cắt 1 - 1, vỉa hè 12 m, lát gạch xi măng M200.

- 17 tuyến đường dọc và ngang tổng chiều dài 19.509 m, lộ giới từ 11,5 - 16 m, mặt đường 6,0 - 7,5 m, đường chính đô thị, tiêu chuẩn để thiết kế: Xe tiêu chuẩn tải trọng H10, mặt đường cấp cao A1, mặt cắt 2 - 2, 3 - 3, 4 - 4, 5 - 5, 7 - 7, 8 - 8, vỉa hè 4,0 - 8,5 m, hai bên đường trồng cây xanh.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ nền: San lấp cục bộ các khu xây dựng như: Công trình kiến trúc, các nhà xưởng, khu kỹ thuật.

- Cao độ toàn Khu, từ đường trục chính vào Khu, có cao độ cao dần theo hướng Đông - Tây, tại vị trí điểm đầu đường trục chính vào Khu, thấp nhất (+15,70 m), cao nhất là (+69,85 m) giáp hồ Lỗ Chài.

- Cao độ các Khu chức năng:

+ Khu trung tâm, quản lý, dịch vụ công nghệ cao (+15,70 m).

+ Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thấp nhất (+14,40 m), cao nhất là (+15,50 m).

+ Khu đào tạo, chuyên giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thấp nhất (+16,00 m), cao nhất là (+17,00 m).

+ Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thấp nhất (+16,79 m), cao nhất là (+64,80 m).

+ Khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối thấp nhất (+15,70 m), cao nhất là (+69,85 m).

+ Khu lâm viên và dịch vụ dân sinh, thấp nhất (+25,60 m), cao nhất là (+30,00).

+ Các khu dân cư nông thôn thấp nhất (+14,10 m), cao nhất là (+16,00 m).

- Thoát nước mưa: Nước mưa được thu gom vào các mương nhánh, chảy vào tuyến mương chính được đặt trên vỉa hè đường, đào mương để thoát ra cửa xả. Mương thoát nước mưa sử dụng mương thành bê tông, đáy đất. Chiều dài hệ thống mương thoát nước mưa của Khu là 18.060 m.

c) Hệ thống điện:

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Cấp điện cho công trình dịch vụ, công cộng, công sở: 23 - 30 kW/m² sàn;

+ Cấp điện cho sản xuất công nghiệp: 200 kW/ha.

+ Cấp điện cho kho tàng: 50 kW/ha.

+ Cấp điện cho sản xuất nông nghiệp: 0,3 kW/ha.

+ Cấp điện cho khu dân cư nông thôn: 05 kW/hộ.

- Công trình đầu mối:

+ Nguồn điện được đầu nối từ tuyến 22 kV dọc theo kênh N1 có sẵn.

+ Trạm biến áp: Bố trí 07 trạm biến áp, trong đó 02 trạm công suất 460 kVA/trạm và 05 trạm công suất 250 kVA/trạm.

- Hệ thống cung cấp điện:

+ Đường trung thế 22 kV được đầu nối từ tuyến 22 kV dọc theo kênh N1 đi dọc theo tuyến đường trục chính và 1 nhánh theo đường N5, tổng chiều dài 6 km.

+ Đường hạ thế 0,4 kV chạy dọc theo các tuyến giao thông còn lại, tổng chiều dài 11,29 km.

+ Giải pháp đi dây: Đường trung thế và hạ thế đi trên trụ bê tông ly tâm; đường dây chiếu sáng đi ngầm; trạm biến áp treo trên trụ bê tông.

d) Cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước cho công trình dịch vụ, công cộng, công sở: 40 lít/người/ngày đêm.

- + Cấp nước cho khu chế biến: 40 m³/ha/ngày đêm.
- + Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp: 20 m³/ngày đêm.
- + Cấp nước cho khu dân cư nông thôn: 80 - 100 lít/người/ngày đêm.
- Công trình đầu mối:

Nguồn nước cấp cho sinh hoạt được lấy từ hồ Lũ Chài 1. Xây dựng trạm xử lý và cấp nước tại phía dưới hồ Lũ Chài 1, với công suất 300 m³/ngày, chất lượng nước đạt chuẩn nước sinh hoạt. Giai đoạn đầu công suất trạm 100 m³/ngày.

- Hệ thống cấp nước:

- + Cấp nước sạch: Tuyến ống chính D100 mm chạy dọc tuyến đường trục chính của Khu, các tuyến nhánh có đường kính D40 mm theo các đường phân khu, cung cấp cho các khu chức năng trong khu vực quy hoạch.

- + Cấp nước sản xuất: Tuyến ống dẫn chính D450 dài 4.783 m, dọc theo chân núi phía Tây và một số đường phân khu. Tuyến nhánh D250 dài 9.615 m, dọc theo các đường phân khu còn lại.

- đ) Thoát nước thải:

- Công trình đầu mối:

- + Nước thải của khu chế biến và khu chăn nuôi được thu gom về trạm xử lý tập trung với 03 tuyến chính, tổng chiều dài 2,117 km. Ống thu gom sử dụng ống UPVC đường kính D200-D500 mm, bề dày và độ dốc được tính toán thủy lực đảm bảo lưu thông nước về trạm xử lý.

- + Trạm xử lý nước thải công suất 1.400 m³/ngày đêm với công nghệ lý hóa vi sinh để xử lý triệt để ô nhiễm nước thải trong quá trình hoạt động của khu. Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế thành hai phân khu để xử lý nước thải chế biến và nước thải chăn nuôi riêng biệt.

- Vệ sinh môi trường:

- + Chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt 1.260 tấn/năm;

- + Chỉ tiêu chất thải rắn sản xuất 144.300 tấn/năm, trong đó tái chế sử dụng làm thức ăn gia súc và phân bón khoảng 36.000 tấn/năm; cần xử lý 108.300 tấn/năm.

- + Chất thải rắn được thu gom hàng ngày và được phân loại tại nguồn, vận chuyển về khu xử lý rác tập trung của khu vực.

- e) Hệ thống thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc của Khu gồm mạng điện thoại, internet, truyền hình cáp và các dịch vụ khác.

- Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Khu và có nhiệm vụ kết nối Khu với bên ngoài đảm bảo thông suốt, bảo mật và an ninh mạng.

- Quy mô cung cấp thông tin cho Khu là 35 line, sử dụng nguồn từ Tổng đài viễn thông khu vực, xây dựng mới các tuyến cáp tín hiệu chính tới các khu chức năng từ đó phối cấp cho các mạng cáp thuê bao. Cáp trong mạng nội bộ của khu vực chủ yếu sử dụng loại cáp công có tiết diện lõi dây 0,5 mm, đi ngầm.

g) Bảo vệ môi trường:

- Các hoạt động trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên phải bảo đảm chấp hành nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường. Các dự án tùy theo quy mô và loại hình cần được đánh giá tác động môi trường, đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và thực hiện các biện pháp quản lý để đạt được các tiêu chí sản xuất sạch, thân thiện môi trường.

- Xây dựng hệ thống xử lý môi trường bảo đảm 100% nước thải, chất thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, sản xuất, nghiên cứu trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được thu gom, xử lý, bảo đảm yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật.

- Ban Quản lý Khu thường xuyên giám sát môi trường, bảo tồn hệ sinh thái và thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong phạm vi toàn Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

7. Phân kỳ thực hiện và các chương trình, dự án đầu tư:

a) Phân kỳ quy hoạch giai đoạn 2017 - 2030:

- Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật để sớm đưa một phần Khu vào hoạt động, diện tích 227 ha:

+ Khu trung tâm, quản lý, dịch vụ công nghệ cao;

+ Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mà nòng cốt là hình thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

+ Một phần Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao dọc đường trục chính của Khu, ưu tiên đáp ứng ngay cho các doanh nghiệp đã được cấp phép đầu tư hoặc đã có chủ trương đầu tư.

- Từ năm 2021 - 2030: Cơ bản hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật của Khu giai đoạn I (460 ha) để đưa vào hoạt động:

+ Hoàn chỉnh Khu trung tâm, quản lý, dịch vụ công nghệ cao.

+ Hoàn chỉnh Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Xây dựng mới Khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Cơ bản hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kêu gọi đầu tư lấp đầy trên 80% diện tích khu.

+ Đưa toàn bộ Khu vào hoạt động ổn định. Trong trường hợp đầu tư giai đoạn I có hiệu quả sẽ đầu tư mở rộng Khu, chủ yếu là đầu tư hạ tầng kỹ thuật để mở rộng Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

b) Các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2017 - 2020:

- Hệ thống thủy lợi Lỗ Chài 1: Thi công năm 2017, hoàn thành năm 2018.

- Đường trục chính, chiều dài 3.805 m và các tuyến đường nhánh phụ.

- Hệ thống cấp điện xây dựng đường dây trung thế 22kV dọc tuyến giao thông trục chính 3.805 m và một số tuyến nhánh dài 2.000 m, xây dựng đường hạ thế 0,4 kV chạy dọc theo các tuyến giao thông còn lại, 07 trạm hạ thế 22 kV/0,4 kV.

- Xây dựng hệ thống mương thoát nước.

- Trạm cấp nước sạch 100 m³/ngày đêm.

- Trụ sở điều hành và các công trình kiến trúc cảnh quan khu trung tâm;

- Dự án xây dựng Trung tâm nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao Phú Yên.

- Khu xử lý chất thải.

- Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (2,5 ha - 6,5 ha).

- Xây dựng các hồ điều tiết nước chống hạn.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Quy hoạch và ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đến năm 2030 được phê duyệt.

2. Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cho khu vực Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đến năm 2030.

3. Triển khai lập các quy hoạch xây dựng tiếp theo để cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên đến năm 2030 làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư xây dựng.

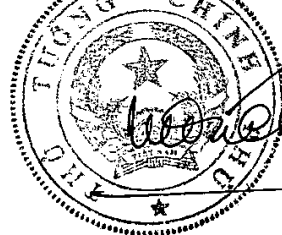
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Phú Yên;
- Ban quản lý Khu NNUDCNC Phú Yên;
- VPCP: BTCN, các PCN, Tổng GD Công TTĐT, các Vụ: KTTH, CN, QHĐP, KGVX, TH;
- Lưu: VT, NN (3).*xh* *đb*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam

www.LuatVietnam.vn